

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HƯNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày 01/9/2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

\* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thành.

\* *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Là.

2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

\* *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án.

\* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*

**Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.**

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2020 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* **Chị Phạm Thị Thanh N**, sinh năm 1997

HKTT: Thôn K, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã N, huyện Vũ Thư, Thái Bình.

\* *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Trung Đ**, sinh năm 1996

Trú tại: Thôn K, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

*(Tại phiên tòa có mặt chị N; vắng mặt anh Đ)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Tại đơn xin ly hôn ngày 03/6/2020; Bản tự khai ngày 03/6/2020 và tại phiên tòa chị Phạm Thị Thanh N nguyên đơn trình bày:**

\* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Trung Đ đăng ký kết hôn ngày 04/5/2016, do tự nguyện tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ mãi chơi bời, bạn bè, lêu lẹt rượu bia, nợ nần đi làm không tiết kiệm tiền để trang trải cuộc sống gia đình, tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm

sống, không tìm được tiếng nói chung nên xảy ra cãi vã nên vợ chồng không có tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2019, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Đ.

\* *Về con chung*: Chị và anh Đoàn có 01 con chung: Nguyễn Hải Y, sinh ngày 19/4/2016. Ly hôn chị xin nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

\* *Về tài sản và nợ*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **2. Tại Bản tự khai ngày 26/6/2020 anh Nguyễn Trung Đ bị đơn trình bày:**

\* *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị N đăng ký kết hôn ngày 04/5/2016, do tự nguyện tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh xã L, vợ chồng hòa thuận đến tháng 9/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Đầu năm 2020 chị N tự bỏ về xã N, huyện V sinh sống. Nay chị N xin ly hôn, anh xin đoàn tụ gia đình.

\* *Về con chung*: Anh và chị N có 01 con chung: Nguyễn Hải Y, sinh ngày 19/4/2016. Ly hôn, anh xin nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

\* *Về tài sản và nợ*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### ***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, của thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật xử cho chị Phạm Thị Thanh N được ly hôn anh Nguyễn Trung Đ.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hải Yến, sinh ngày 19/4/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Chị N, anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai và các biên bản hòa giải, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn đang cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 17/8/2020, anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố

tụng nhưng vắng mặt nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa ngày 01/9/2020, anh Đ vẫn vắng mặt HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

**[2]** *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Thanh N và anh Nguyễn Trung Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/5/2016 tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn, anh Đ xin đoàn tụ gia đình.

**[2.1]** Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 24/6/2020, UBND xã L cung cấp như sau: Chị Phạm Thị Thanh N và anh Nguyễn Trung Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/5/2016 tại UBND xã L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh Đ tại thôn K, xã L. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân cụ thể thì UBND xã không nắm được. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, chị N đã đi khỏi địa phương, anh Đ vẫn có hộ khẩu tại địa phương. Nay chị N xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N và anh Đ có 01 con chung: Nguyễn Hải Y, sinh ngày 19/4/2016. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho con chung.

**[2.2]** HĐXX thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã phân tích, khuyên bảo nhiều lần để chị N suy nghĩ lại, anh Đ có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình Tòa án đã triệu tập nhiều lần mục đích để vợ chồng gặp nhau trao đổi, chia sẻ nhưng anh Đ đều vắng mặt, từ khi chị N về xã N, huyện V sinh sống anh Đ cũng không đến tìm gọi chị N lần nào, ngoài ra anh Đ cũng không đưa ra giải pháp nào để vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình. Vì vậy việc đoàn tụ giữa chị N, anh Đ là không thành, chị N vẫn cương quyết xin ly hôn nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N cương quyết xin được ly hôn với anh Đ cần được chấp nhận theo yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa.

**[3]** *Về con chung:* Chị N, anh Đ có 01 con chung: Nguyễn Hải Y, sinh ngày 19/4/2016, hiện con đang ở cùng chị N. Ly hôn chị N, anh Đ đều có nguyện vọng nuôi con, xét nguyện vọng của chị N, anh Đ đều chính đáng. Tuy nhiên xét thấy hiện con đang ở cùng chị N, anh Đ công việc bận mãi ít có thời gian trông nom,

chăm sóc con, bên cạnh đó cháu Y là con gái nên việc giao con cho chị N chăm sóc, giáo dục liên quan đến việc phát triển tâm sinh lý sau này của con. Vì vậy HĐXX, thấy rằng cần giao con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 19/4/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

**[4] Về tài sản:** Chị N, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[5] Về án phí:** Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**[6] Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên:**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Phạm Thị Thanh N được ly hôn anh Nguyễn Trung Đ.

**2. Về con chung:** Xử giao cho chị Phạm Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 19/4/2016 và chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản và nợ:** Chị Phạm Thị Thanh N và anh Nguyễn Trung Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Phạm Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008427 ngày 03/6/2020 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**Quyền kháng cáo:** Chị Phạm Thị Thanh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/9/2020). Anh Nguyễn Trung Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
ĐÃ KÝ**

**HOÀNG VĂN THÀNH**